

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-KCNĐN ngày 18/12/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại hóa chất, quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm và Kho chứa hóa chất, sức chứa 400 tấn” của Công ty TNHH Nicca Việt Nam tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Theo văn bản số 27/KCNĐN-MT ngày 03/01/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nicca Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nicca Việt Nam tại văn bản số 01-24/CV-NC đề ngày 16/01/2024 về việc chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại hóa chất, quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm và kho chứa hóa chất, diện tích 1.150 m²” tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nicca Việt Nam, địa chỉ tại lô 224/6, đường 2, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại hóa chất, quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm và kho chứa hóa chất, diện tích 1.150 m²” tại lô 224/6, đường 2 và lô 105/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất các loại hóa chất, quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm và Kho chứa hóa chất, diện tích 1.150 m².

1.2. Địa điểm hoạt động:

+ Nhà máy sản xuất các loại hóa chất tại lô 224/6, đường 2, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Kho chứa hóa chất tại lô 105/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600681571 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/06/2004, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 14/08/2019.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5416371453 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/6/2004, chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 20/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 3600681571.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại hóa chất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi:

+ Diện tích đất nhà máy sản xuất hóa chất, lô 224/6, đường 2, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: 6.271,8 m².

+ Diện tích đất kho chứa hóa chất, lô 105/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: 3.481,6 m².

- Quy mô: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); về tiêu chí môi trường: dự án đầu tư nhóm II.

- Quy mô, công suất sản xuất:

(1) Các loại hóa chất dùng trong ngành dệt nhuộm: 8.400 tấn/năm;

(2) Hóa chất dùng trong ngành giấy, ngành sơn, ngành mỹ phẩm: 50 tấn/năm;

(3) Hóa chất dùng trong ngành công nghiệp kim loại: 50 tấn/năm;

(4) Các loại hóa chất dùng trong ngành công nghiệp tái chế: 700 tấn/năm;

(5) Các loại hóa chất dùng trong ngành công nghiệp giặt tẩy: 200 tấn/năm;

(6) Các loại hóa chất dùng trong ngành công nghiệp xử lý nước thải: 100 tấn/năm;

(7) Các loại hóa chất hoạt động bề mặt: 100 tấn/năm;

(8) Các loại hóa chất tẩy rửa: 200 tấn/năm;

(9) Kho chứa hóa chất (hạng mục công trình chính): 1.150 m².

- Quy trình, công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất các loại hóa chất (chung một quy trình công nghệ):
Nguyên liệu (hóa chất) → Nhập liệu → Gia nhiệt → Trộn → Kiểm tra → Làm nguội → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho, xuất hàng.

+ Quy trình hoạt động tại kho chứa: *Nhận yêu cầu nhập, xuất kho → Chuẩn bị sắp xếp kho → Nhận hàng và chứng từ nhận → Kiểm tra → Nhập, xuất kho → Lập phiếu nhập, xuất kho → Cập nhật hệ thống → Tổng hợp chứng từ và gửi kế toán → Lưu hồ sơ.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng

ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 6 tháng 2 năm 2024 đến ngày 6 tháng 2 năm 2034).

Quyết định số 177/QĐ-KCNĐN ngày 04/7/2016 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất, công suất 9.900 tấn sản phẩm/năm” và Giấy xác nhận số 58/XN-KCNĐN ngày 22/5/2020 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Kho chứa hóa chất, sức chứa 400 tấn” của Công ty TNHH Nicca Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa (thực hiện);
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, MT (NT)

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT -KCNĐN ngày 6 / 2 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nhà máy sản xuất tại lô lô 224/6, đường 2, KCN Long Bình (Amata):
 - + Nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn trộn lần 1; từ phòng thí nghiệm) được lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, sau đó được chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại.
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn trộn lần 2, lần 3; từ rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp; từ quá trình hấp thụ hơi hóa chất của thiết bị ngưng tụ) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất 100 m³/ngày, sau đó nước thải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 01 vị trí trên đường 2.
 - + Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng thuê bất động sản (có điều khoản xử lý nước thải) ngày 02/8/2004 với Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata).
- Kho chứa hóa chất tại lô 105/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata):
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 01 vị trí trên đường Amata.
 - + Chủ cơ sở đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên về chuyển nhượng hợp đồng thuê bất động sản (có điều khoản xử lý nước thải) ngày 02/03/2020 với Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata).
- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Bình (Amata) theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata) theo điều khoản xử lý nước thải nêu tại các hợp đồng/ biên bản thuê bất động sản giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Tại nhà máy sản xuất hóa chất: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên được thu gom đưa về 3 bể tự hoại tổng thể tích 4,5 m³ (01 bể 0,5 m³ tại nhà bảo vệ, 01 bể 2 m³ tại văn phòng, 01 bể 2 m³ tại nhà xưởng sản xuất), sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy, công suất 100 m³/ngày,

sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 1 điểm trên đường 2 của KCN.

+ Tại kho chứa hóa chất: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên được thu gom đưa về 1 bể tự hoại thể tích 4 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 1 điểm trên đường Amata.

- Nước thải sản xuất tại nhà máy sản xuất hóa chất:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn trộn lần 1 được thu gom vào tank chứa 1.000 lít và chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp theo đường ống nhựa đường kính 50mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi theo đường ống nhựa đường kính 60mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ hơi hóa chất của thiết bị ngưng tụ theo đường ống nhựa đường kính 24mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm: được thu gom vào thùng chứa 60 lít, được lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, sau đó được chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại.

+ Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy, công suất 100 m³/ngày, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 1 điểm trên đường 2.

- Kho chứa hóa chất không phát sinh nước thải công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nhà máy sản xuất hóa chất: 03 bể tự hoại tổng thể tích 4,5 m³ (01 bể 0,5 m³ tại nhà bảo vệ, 01 bể 2 m³ tại văn phòng, 01 bể 2 m³ tại nhà xưởng sản xuất). 01 hệ thống xử lý nước thải.

+ Quy trình xử lý nước thải: *Nước thải* → *Song chắn rác* → *Bể trung hòa* → *Bể khuấy* → *Bể lắng* → *Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata*.

+ Công suất thiết kế: 100 m³/ngày

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): NaOH.

- Kho chứa hóa chất: 1 bể tự hoại thể tích 4 m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí

bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Bình (Amata) theo hợp đồng giữa Công ty TNHH Nicca Việt Nam và đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata) (Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT -KCNDN ngày 6 / 2 /2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động của lò hơi sử dụng dầu DO (không có dòng thải do không có hệ thống xử lý khí thải);
- Nguồn số 02: Khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO (không có dòng thải do không có hệ thống xử lý khí thải);

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải được thu gom, phát tán ra môi trường qua ống khói có đường kính 300mm; không có hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 02: khí thải được thu gom, phát tán ra môi trường qua ống khói có đường kính 200mm; không có hệ thống xử lý khí thải

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí.
- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.
- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_v=0,6$; $K_p=1$). Không được xả bụi, khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT -KCNĐN ngày 6 /2 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: bơm của bồn trộn 1.
- Nguồn số 02: bơm của bồn trộn 2.
- Nguồn số 03: bơm của bồn trộn 3.
- Nguồn số 04: bơm của bồn trộn 4.
- Nguồn số 05: bơm của bồn trộn 5.
- Nguồn số 06: bơm của bồn trộn 6.
- Nguồn số 07: bơm của bồn trộn 7.
- Nguồn số 08: tủ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 09: bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: bơm của bồn trộn 1; tọa độ: X= 1210363; Y= 405.734;
- Nguồn số 02: bơm của bồn trộn 2; tọa độ: X= 1210362; Y= 405.734;
- Nguồn số 03: bơm của bồn trộn 3; tọa độ: X= 1210361; Y= 405.734;
- Nguồn số 04: bơm của bồn trộn 4; tọa độ: X= 1210363; Y= 405.733;
- Nguồn số 05: bơm của bồn trộn 5; tọa độ: X= 1210363; Y= 405.732;
- Nguồn số 06: bơm của bồn trộn 6; tọa độ: X= 1210363; Y= 405.731;
- Nguồn số 07: bơm của bồn trộn 7; tọa độ: X= 1210361; Y= 405.730;
- Nguồn số 08: tủ máy phát điện; tọa độ: X= 1210360; Y= 405.732;
- Nguồn số 09: tủ bơm của hệ thống xử lý nước thải; tọa độ: X= 1.210.360; Y= 405.734.

3. Tiếng ồn: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho người lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT -KCNĐN ngày 6 /2 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

Khối lượng phát sinh dự kiến: 353.785 (kg/năm).

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu Phân loại	Số lượng (kg/năm)	
					Nhà máy	Kho chứa
1.	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	10	5
2.	Chấp hấp thụ, giặt lau, vật liệu lọc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	11.600	20
3.	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	23.100	-
4.	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	84.700	-
5.	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	KS	171.350	50
6.	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	KS	200	-
7.	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất thải từ phòng thí nghiệm	Rắn/lỏng	19 05 02	KS	2.500	-
8.	Hóa chất hữu cơ thải có thành phần nguy hại	Lỏng	19 12 03	KS	28.000	-
9.	Pallet gỗ nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	16 01 14	KS	12.200	50
10.	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 05	KS	20.000	-
Tổng cộng lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					353.785	

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng phát sinh dự kiến: 1.111 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)	
				Nhà máy	Kho chứa
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	200	20
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	TT-R	456	10
3	Hộp chứa mực in (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải với các loại trên	08 02 08	TT	10	10
4	Chấp hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với các loại trên	18 02 02	TT	20	10
5	Pallet hỏng bằng gỗ	12 08 08	TT-R	200	100
6	Bùn thải từ bể tự hoại	-	-	50	25
Tổng cộng lượng chất thải dự kiến (kg/năm)				1.111	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng phát sinh dự kiến: 14,6 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	
		Nhà máy	Kho chứa
1	Chất thải rắn sinh hoạt	9,5	5,1
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		9,5	5,1

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa:

+ Nhà máy sản xuất: 21,8 m²

+ Kho chứa hóa chất: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: các khu lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao che, mái che bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào, cao độ nền đảm bảo không ngập lụt và đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường; có trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có trang bị thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố trong trường hợp chất thải dạng lỏng bị rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích khu vực lưu chứa:
- + Nhà máy sản xuất: 10 m²
- + Kho chứa hóa chất: 10 m²
- Kết cấu kho chứa: mặt sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào; có mái che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.
- Nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất bố trí khu vực tập trung các thùng rác sinh hoạt: khu vực này được trang bị mái che, tại đây bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 660 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT -KCNDN ngày 6 /2 /2024
của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh tại các địa điểm hoạt động đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, UBND thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên

quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI